

LÍ THUYẾT HẾT QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ VẤN ĐỀ NHẬP KHẨU SONG SONG

ThS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH *

1. Khái niệm nhập khẩu song song và lý thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ⁽¹⁾

Hoạt động nhập khẩu song song phát sinh và tồn tại tất yếu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Cho đến nay, nhiều nước trên thế giới thừa nhận và bảo vệ nhập khẩu song song. Cơ sở pháp lý cho hoạt động nhập khẩu song song là Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) và Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs). Tuy nhiên, Tổ chức thương mại thế giới (WTO) - cơ quan ban hành các hiệp định TRIPs và GATT lại không quy định cụ thể hơn về vấn đề nhập khẩu song song mà dành quyền này cho các quốc gia thành viên. Do thiếu sự đồng thuận quốc tế cho nên quy định giữa các quốc gia về nhập khẩu song song không thống nhất. Chính sự không thống nhất này đã và đang làm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng lưu chuyển hàng hoá giữa quốc gia trong quá trình toàn cầu hoá.

Việt Nam đã và đang rất tích cực tham gia vào tiến trình hội nhập quốc tế, bởi vậy hoạt động nhập khẩu song song xuất hiện một cách tất yếu và chắc chắn còn phát triển mạnh mẽ hơn trong những năm tới. Tuy nhiên, đây còn là một vấn đề mới mẻ ở nước ta. Chúng ta mới chỉ có một văn bản pháp luật duy nhất điều chỉnh hoạt động nhập

khẩu song song, đó là Quyết định của bộ trưởng Bộ y tế số 1906/2004/QĐ-BYT ngày 28/5/2004 ban hành Quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người. Bởi vậy, việc tìm hiểu về nhập khẩu song song là cần thiết. Bài viết này tập trung vào hai nội dung: Mối quan hệ giữa lý thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ và nhập khẩu song song; Sự thừa nhận của các quốc gia, khu vực về lý thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ đối với nhập khẩu song song.

Nhập khẩu song song (parallel imports) là hoạt động thương mại mà trong đó hàng hoá, dịch vụ mang đối tượng sở hữu trí tuệ (đã được bảo hộ) đã được lưu thông trên thị trường của một nước nhưng hàng hoá, dịch vụ này lại được nhập khẩu từ nước khác vào chính nước này mà không được sự cho phép của chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ.⁽²⁾ Ví dụ: Nhà sản xuất A sản xuất sản phẩm X, sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở nước C1, sản phẩm đã được cấp số đăng ký và đang được bán trên thị trường của nước C1 với giá P1. Sản phẩm X này của nhà sản xuất A cũng lại đang được bán ở một nước khác là C2 với giá P2. Nhà

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

nhập khẩu của nước C1 có thể nhập khẩu sản phẩm X này từ nước C2 về bán ở nước C1 với giá P3, điều kiện là P3 thấp hơn giá P1.

Như vậy, nguyên nhân của hoạt động thương mại này là sự khác biệt về giá cho cùng một hàng hoá, dịch vụ giữa các nước. Cho nên nhà nhập khẩu tiến hành nhập khẩu hàng hoá ở nơi có giá thấp hơn để bán ở nơi khác với giá cao hơn để thu lợi nhuận.⁽³⁾

Lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ (the theory of exhaustion of intellectual property rights) đề cập quyền của chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ (thông thường là chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp) được kiểm soát, quyết định việc phân phối hàng hoá, dịch vụ mang đối tượng sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ. Theo lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ, khi chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ bán sản phẩm mang đối tượng sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ, họ buộc phải cho phép cá nhân, tổ chức khác bán lại sản phẩm đó bởi vì quyền sở hữu trí tuệ của họ đã hết từ lần đầu tiên bán sản phẩm.

Lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ được chia thành ba loại: Hết quyền quốc gia (national exhaustion); hết quyền khu vực (regional exhaustion) và hết quyền quốc tế (international exhaustion).

2. Mối quan hệ giữa lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ và nhập khẩu song song

Lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ và nhập khẩu song song có quan hệ chặt chẽ với nhau. Mối quan hệ này thể hiện ở hai khía cạnh sau đây:

Trước hết, lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ là cơ sở cho việc thừa nhận hoạt động nhập khẩu song song. Các quốc gia áp dụng lí thuyết hết quyền khu vực hoặc lí thuyết hết quyền quốc tế đồng nghĩa với thừa nhận hoạt động nhập khẩu song song còn các quốc gia áp dụng lí thuyết hết quyền quốc gia không thừa nhận hoạt động nhập khẩu song song. Khi chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ bị coi là hết quyền sở hữu trí tuệ từ lần đầu tiên bán sản phẩm mang đối tượng sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ cho nên nhà nhập khẩu có quyền nhập khẩu song song sản phẩm này mà không cần sự cho phép của chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ. Ngược lại, nếu chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ không bị coi là hết quyền sở hữu trí tuệ từ lần đầu tiên bán sản phẩm mang đối tượng sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ, nhà nhập khẩu chỉ được phép nhập khẩu song song sản phẩm này nếu được sự cho phép của chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ.

Hơn nữa, lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ còn quyết định tính chất, phạm vi của hoạt động nhập khẩu song song. Khía cạnh thứ hai của mối quan hệ giữa lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ và nhập khẩu song song được thể hiện rõ ở ba loại: hết quyền quốc gia, hết quyền khu vực và hết quyền quốc tế. Cụ thể như sau:

Đối với các nước áp dụng lí thuyết hết quyền quốc gia, khi chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ hoặc người được chủ sở hữu đồng ý bán sản phẩm mang đối tượng sở hữu trí

tuệ đã được bảo hộ ra thị trường, họ chỉ hết quyền kiểm soát, quyết định việc phân phối sản phẩm đó trong phạm vi lãnh thổ của nước mà sản phẩm đã được bán lần đầu tiên. Như vậy, có nghĩa là những quốc gia công nhận lí thuyết hết quyền quốc gia không thừa nhận nhập khẩu song song.

Ví dụ: A là chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá của sản phẩm X (nhãn hiệu được bảo hộ). A đã bán sản phẩm này lần đầu tiên ở nước C1, sau đó lại bán cả ở nước C2. Theo lí thuyết hết quyền quốc gia, A không còn quyền ngăn cấm việc phân phối sản phẩm trong phạm vi nước C1. Tuy nhiên, A có quyền ngăn cấm việc nhập khẩu từ nước khác vào nước C1. Nói cách khác, nhà nhập khẩu không có quyền nhập khẩu sản phẩm này từ nước C2 vào nước C1 mà không có sự đồng ý của A.

Đối với các nước áp dụng lí thuyết hết quyền khu vực, khi chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ hoặc người được chủ sở hữu đồng ý bán sản phẩm mang đối tượng sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ ra thị trường, họ chỉ hết quyền kiểm soát, quyết định việc phân phối sản phẩm đó trong phạm vi khu vực nhất định, trong đó có nước mà sản phẩm đã được bán lần đầu tiên. Họ vẫn có quyền kiểm soát, quyết định việc phân phối sản phẩm ngoài khu vực này. Như vậy, những quốc gia công nhận lí thuyết hết quyền khu vực thừa nhận hoạt động nhập khẩu song song giữa các quốc gia trong khu vực đó.

Ví dụ: A là chủ sở hữu nhãn hiệu hàng

hoá của sản phẩm X (nhãn hiệu được bảo hộ). A đã bán sản phẩm này lần đầu tiên ở Đức, sau đó lại bán cả ở một số nước khác thuộc Liên minh châu Âu như Pháp, Anh. Theo lí thuyết hết quyền khu vực, A không còn quyền ngăn cấm việc phân phối sản phẩm trong phạm vi nước các nước thuộc Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, A có quyền ngăn cấm việc nhập khẩu từ nước khác ngoài Liên minh châu Âu. Nói cách khác, nhà nhập khẩu có quyền nhập khẩu sản phẩm này từ Pháp, Anh vào nước Đức mà không cần sự đồng ý của A; còn nếu nhà nhập khẩu muốn nhập khẩu sản phẩm này từ một nước khác ngoài Liên minh châu Âu như Nga, Brazil... vào các nước thuộc Liên minh châu Âu buộc phải có sự đồng ý của A (trừ trường hợp giữa Liên minh châu Âu và các nước ngoài liên minh có thoả thuận song phương khác về vấn đề này).

Đối với các nước áp dụng lí thuyết hết quyền quốc tế, khi chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ hoặc người được chủ sở hữu đồng ý bán sản phẩm mang đối tượng sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ ra thị trường, họ không còn quyền kiểm soát, quyết định việc phân phối hàng hoá, dịch vụ đó ở bất kì nơi nào trên thế giới.

Ví dụ: A là chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá của sản phẩm X (nhãn hiệu được bảo hộ). A đã bán sản phẩm này lần đầu tiên ở nước C1, sau đó lại bán cả ở nước C2. Theo lí thuyết hết quyền quốc tế, A không còn quyền ngăn cấm việc phân phối sản phẩm

trên phạm vi toàn thế giới. Nói cách khác: nhà nhập khẩu có quyền nhập khẩu sản phẩm này từ nước C2 vào nước C1 mà không cần sự đồng ý của A.

3. Sự thừa nhận của các quốc gia, khu vực về lí thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ đối với nhập khẩu song song

- *Liên minh châu Âu*⁽⁴⁾

Liên minh châu Âu áp dụng lí thuyết hết quyền khu vực. Theo đó, khi một sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hoá được đưa vào thị trường ở bất kì quốc gia nào trong Liên minh châu Âu với sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá (có thể chính là chủ sở hữu hoặc người khác), chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá không còn quyền tiếp tục được kiểm soát, quyết định việc phân phối hàng hoá đó trong phạm vi Liên minh châu Âu. Liên minh châu Âu áp dụng lí thuyết hết quyền khu vực xuất phát từ nguyên tắc "hàng hoá được tự do lưu chuyển trong Liên minh" (*free movement of goods*)⁽⁵⁾ - một nguyên tắc tối cao của pháp luật thương mại châu Âu. Nếu thừa nhận lí thuyết hết quyền quốc gia sẽ ngăn cản sự lưu chuyển hàng hoá cũng như làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động thương mại giữa các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu.

Trong những vụ việc đầu tiên về nhập khẩu song song khởi kiện trước toà án của Liên minh châu Âu (ví dụ vụ tranh chấp giữa *Silhouette International* và *Harlauer*), toà án của Liên minh châu Âu đã phán quyết rằng mặc dù Hiệp ước EEC bảo vệ chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá, cho phép chủ sở hữu

quyền đưa sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hoá vào lưu thông và có quyền chống lại các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình. Tuy nhiên, chủ sở hữu bị coi là hết quyền kiểm soát, quyết định việc phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo vệ sau khi đưa sản phẩm vào thị trường của bất kì quốc gia thành viên nào của Liên minh.⁽⁶⁾ Nguyên tắc hết quyền khu vực đã được pháp điển hoá và được quy định trong Nghị quyết số 89/104/EEC ngày 21/12/1988 của Hội đồng châu Âu về việc hài hoà pháp luật của các nước thành viên liên quan nhãn hiệu hàng hoá (Điều 7). Sau đó, trong Quy định về nhãn hiệu hàng hoá của Liên minh châu Âu số 40/94 ngày 20/12/1993, nguyên tắc hết quyền khu vực đối với quyền sở hữu trí tuệ lại được khẳng định tại Điều 13(1). Quy định về nhãn hiệu hàng hoá này của Liên minh châu Âu là văn bản hài hoà tuyệt đối pháp luật của các nước thành viên, không cho phép các quốc gia thành viên thừa nhận nguyên tắc hết quyền quốc tế bị coi là xung đột với nguyên tắc hết quyền khu vực của Liên minh châu Âu.⁽⁷⁾

Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là theo Quy định về nhãn hiệu hàng hoá của Liên minh châu Âu, nguyên tắc hết quyền khu vực bị hạn chế, theo đó, nguyên tắc hết quyền khu vực chỉ áp dụng đối với hàng hoá lần đầu tiên được đưa vào lưu thông trong phạm vi Liên minh hoặc khu vực kinh tế châu Âu EEA gồm Liên minh châu Âu và Iceland, Norway. Như vậy, quyền đối với nhãn hiệu hàng hoá của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá

không bị coi là hết nếu hàng hoá đó lần đầu tiên được đưa vào lưu thông trên các thị trường ngoài Liên minh như Mĩ, Canada, sau đó được nhập khẩu trở lại vào các nước thành viên của khu vực kinh tế châu Âu.

Như đã chỉ ra ở phần đầu của bài viết, Hiệp định GATT và TRIPs chỉ thừa nhận hoạt động nhập khẩu song song mà không quy định cụ thể về vấn đề này. Bởi vậy, Liên minh châu Âu không áp dụng lí thuyết hết quyền quốc tế mà áp dụng lí thuyết hết quyền khu vực tùy thuộc vào các quốc gia thuộc Liên minh. Tuy nhiên, quy định nguyên tắc hết quyền khu vực chỉ áp dụng đối với hàng hoá lần đầu tiên được đưa vào lưu thông trong phạm vi Liên minh hoặc khu vực kinh tế châu Âu EEA gồm Liên minh châu Âu và Iceland, Norway không phải là quy định tích cực. Có thể nói, trong trường hợp của Liên minh châu Âu, lí thuyết hết quyền khu vực được áp dụng quá ngặt nghèo. Quy định của Liên minh châu Âu phân biệt đối xử giữa hàng hóa, dịch vụ lần đầu tiên được lưu thông trong thị trường liên minh và ngoài thị trường Liên minh nhằm bảo vệ các chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ, các nhà sản xuất kinh doanh của liên minh. Điều này tạo ra sự không công bằng và những rào cản trong hoạt động nhập khẩu song song.

Nhận thấy những bất cập của việc áp dụng lí thuyết hết quyền khu vực cho hoạt động nhập khẩu song song, năm 2000, Ủy ban châu Âu đã phát hành một tài liệu nhằm đưa lí thuyết hết quyền quốc tế vào pháp luật của Liên minh. Tuy nhiên, sau một thời gian

tranh cãi và xem xét, Ủy ban đã quyết định không thay đổi pháp luật về vấn đề này mà giữ nguyên nguyên tắc hết quyền khu vực.

- Mĩ

Ở Mĩ, hiện nay, cơ sở pháp lí cho hoạt động nhập khẩu song song là các án lệ và hai văn bản luật, gồm Luật về nhãn hiệu hàng hoá (Laham Act) và Luật về thương mại (Tariff Act).⁽⁸⁾

Trong những phán quyết đầu tiên về nhập khẩu song song, toà án Mĩ khẳng định rằng: khi một sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hoá được đưa vào thị trường, chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá không được tiếp tục kiểm soát, quyết định những điểm đến tiếp theo của sản phẩm.⁽⁹⁾ Những án lệ đầu tiên về nhập khẩu song song đã được pháp điển hoá và đưa vào trong các quy định pháp luật về nhãn hiệu hàng hoá, đó là đạo luật Laham. Như vậy, khác với Liên minh châu Âu, đã từ lâu Mĩ thừa nhận lí thuyết hết quyền quốc tế đối với quyền sở hữu trí tuệ. Cụ thể, khi một sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hoá được đưa vào thị trường ở bất kì nơi nào trên thế giới với sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá (chính chủ sở hữu hoặc người khác), chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá không còn quyền tiếp tục được kiểm soát, quyết định việc phân phối tiếp theo đối với hàng hoá đó.

- Một số nước châu Á

Như đã trình bày, Liên minh châu Âu cũng như Mĩ thừa nhận và bảo vệ hoạt động nhập khẩu song song trên cơ sở lí thuyết hết quyền khu vực và lí thuyết hết quyền quốc tế. Tuy nhiên, ở châu Á một số nước thừa

nhận hoạt động nhập khẩu song song nhưng một số nước khác không thừa nhận. Hiện nay, một số nước châu Á cho phép chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá quyền khởi kiện trước toà án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác chống lại việc nhập khẩu song song. *Ví dụ:* Tháng 11/2000, 84 công ty dược mạnh nhất của Philipine thuộc Hiệp hội dược phẩm nước này đã kiện Văn phòng quản lý y tế của Philipine về việc nhập khẩu song song thuốc từ Ấn Độ vào Philipine. 84 công ty dược cho rằng hành vi nhập khẩu song song đã vi phạm quy định của Bộ luật sở hữu trí tuệ và Luật về thuốc giả. Tuy nhiên, một số nước khác như Nhật Bản và Hàn Quốc không những thừa nhận nhập khẩu song song mà còn tiến hành các thủ tục tích cực để bảo vệ cá nhân, tổ chức nhập khẩu song song. Mặc dù văn bản pháp luật và thực tiễn xét xử của toà án không nhiều và không rõ ràng như Liên minh châu Âu và Mỹ nhưng thực tế cho thấy Nhật Bản và Hàn Quốc áp dụng lí thuyết hết quyền quốc tế cho hoạt động nhập khẩu song song.

Nhật Bản chấp nhận hoạt động nhập khẩu song song và thừa nhận nguyên tắc hết quyền quốc tế. Điều này được thể hiện rõ trong việc nhà nhập khẩu song song bút PARKER vào Nhật Bản được quyền phản đối lại nhà phân phối độc quyền loại bút này của Nhật. Trong vụ việc này, Toà án Osaka phán quyết rằng mặc dù việc nhập khẩu song song có thể làm ảnh hưởng đến quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá nhưng không ảnh hưởng đến chức năng của nhãn hiệu

hàng hoá theo pháp luật Nhật Bản. Việc nhập khẩu song song vẫn đảm bảo nguồn gốc và chất lượng của hàng hoá, không làm ảnh hưởng đến danh tiếng thương mại của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá và không làm người tiêu dùng nhầm lẫn.⁽¹⁰⁾

Hướng dẫn của Uỷ ban thương mại Nhật Bản về hệ thống phân phối và kinh doanh được ban hành tháng 1 năm 1991 cũng nghiêm cấm các hành vi ngăn cấm hoạt động nhập khẩu song song. *Ví dụ:* Ngăn cản việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ từ nước ngoài; loại trừ một nhà cung cấp trực tiếp cho một nhà phân phối độc quyền. Ngoài ra, văn bản này cũng quy định về việc cung cấp các sản phẩm cho nhà nhập khẩu song song; giải quyết vấn đề nhập khẩu song song với hàng giả; mua sản phẩm nhập khẩu song song từ các nhà phân phối; quảng cáo nhập khẩu song song.

Hàn Quốc đã ban hành các quy định pháp luật hải quan thừa nhận việc nhập khẩu song song đồng thời quy định rõ một số trường hợp đặc biệt không cho phép nhập khẩu song song. Thêm vào đó, pháp luật Hàn Quốc cũng có các quy định cụ thể liên quan đến nhập khẩu song song như: phân phối hàng hoá nhập khẩu song song; quảng cáo hàng hoá nhập khẩu song song...⁽¹¹⁾

4. Kết luận

Quy định pháp luật và án lệ đã chứng tỏ rằng đối với nhiều quốc gia trên thế giới, cho đến nay nhập khẩu song song cũng như học thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ không còn là những vấn đề mới. Tuy nhiên, đây vẫn là

những vấn đề nóng bỏng và còn nhiều tranh cãi. Các quốc gia, khu vực có cách tiếp cận, sự thừa nhận khác nhau đối với lý thuyết hết quyền. Chính điều này dẫn đến sự khác biệt trong chính sách cũng như quy định pháp luật đối với hoạt động nhập khẩu song song, hệ quả là tạo nên những rào cản trong hoạt động thương mại quốc tế và gây khó khăn cho việc giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động nhập khẩu song song. Tất nhiên, việc thừa nhận và áp dụng lý thuyết hết quyền quốc gia, hết quyền khu vực hay hết quyền quốc tế phụ thuộc vào chính sách thương mại của mỗi quốc gia, khu vực. Tuy nhiên, nhằm khuyến khích thương mại quốc tế phát triển, đảm bảo sự thống nhất, công bằng trên phạm vi toàn cầu, nên áp dụng lý thuyết hết quyền quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ cho hoạt động nhập khẩu song song.

Cho đến nay, lý thuyết hết quyền sở hữu trí tuệ và hoạt động nhập khẩu song song là những vấn đề còn mới đối với nước ta. Với sự ra đời của Quyết định của bộ trưởng Bộ y tế số 1906/2004/QĐ-BYT ngày 28/5/2004 ban hành Quy định về nhập khẩu song song thuốc phòng, chữa bệnh cho người, Việt Nam thừa nhận hoạt động nhập khẩu song song, tuy nhiên chỉ ở một lĩnh vực rất hẹp là nhập khẩu thuốc phòng, chữa bệnh cho người. Chúng ta phải coi nhập khẩu song song là quan hệ thương mại tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế hay nói cách khác hoạt động nhập khẩu song song sẽ xuất hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Cùng với những

lợi ích mà hoạt động nhập khẩu song song đem lại cho cả nước xuất khẩu và nước nhập khẩu, nhập khẩu song song cũng đòi hỏi các nước phải giải quyết nhiều vấn đề phát sinh, trong đó có vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Bởi vậy, cần phải có những quy định cụ thể cho hoạt động nhập khẩu song song trong các văn bản pháp luật, ví dụ trong các văn bản pháp luật sở hữu trí tuệ và pháp luật thương mại./.

(1). Để hiểu rõ thêm về những khái niệm này, xem trang web:

<http://www.ladas.com/IPProperty/GrayMarket/GrayMa02.html>

(2). Theo Quyết định 1906/2004/QĐ-BYT về nhập khẩu song song thuốc phòng và chữa và chữa bệnh cho người, nhập khẩu song song thuốc là việc nhập khẩu thuốc có cùng tên biệt dược với thuốc đã được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam khi các công ti được phẩm nước ngoài định giá thuốc ở nước này thấp hơn nước kia (Điều 3).

(3). Xem thêm trang web: <http://econ.worldbank.org>.

(4). Về nhập khẩu song song ở Liên minh châu Âu, có thể xem thêm thông tin từ trang web: <http://scientific.thomson.com>.

(5). Xem: Pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu.

(6). Xem vụ Centrpharm v. Winthorp, 1974 ECR 1183. Trong vụ này, một chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá của Hà Lan là nhà phân phối và chi nhánh của một nhà sản xuất Anh đã đệ đơn khởi kiện việc bán các sản phẩm thuốc không được phép của họ ở Hà Lan.

(7). Xem vụ Silhouette International v. Hartlauer (Case C-355/96) [1998] ETMR 539.

(8). Xem trang web: <http://www.ipmall.info/hosted-resources/pubspapers/TM-Lever-Rules-Hennessey-99.htm>

(9). Xem phán quyết trong vụ Apollinaris Co. Ltd v. Scherer, 27 Fed 18 (SDNY 1886).

(10). Vụ PARKER, Quyết định của Toà án Osaka ngày 27/2/1971.

(11). Những quy định này nằm trong các văn bản hướng dẫn của Ủy ban thương mại Hàn Quốc.